TAND HUYỆN LẠNG G **TỈNH BẮC G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24/11/2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG G, TỈNH BẮC G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Dương Minh Thiết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện LG.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG.

Trong ngày 24/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc G

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn G, sinh năm 1979 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn BC, xã ĐM, huyện LG, tỉnh Bắc G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Vũ Văn G vào ngày 19/12/2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng với anh G tại thôn BC, ĐM ngay. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh G không chịu làm ăn, không chăm lo gì đến vợ con và kinh tế của gia đình. Chị đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh G không nghe. Trong cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8/2015 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thông G, TL để ở cho đến nay, không quay về chung sống cùng với anh G nữa. Chị và anh G đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể

tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Văn Vượng, sinh ngày 16/7/2003. Hiện nay cháu Vượng đang ở cùng với chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vượng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Vũ Văn G trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Vũ Văn Vượng, sinh ngày 16/7/2003. Hiện nay cháu Vượng đang ở cùng với chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vượng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Vũ Văn G đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn G.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Văn Vượng, sinh ngày 16/7/2003.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện LG. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Vũ Văn G đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn G có đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2000 tại UBND xã ĐM, huyện LG, tỉnh Bắc G. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh G là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị T, anh G đều xác định vợ chồng có sảy ra nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau và đã có khoảng thời gian dài sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của anh G đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Chị T, anh G đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh G.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh G có 01 con chung là Vũ Văn Vượng, sinh ngày 16/7/2003. Ly hôn chị T, anh G đều đề nghị xin được nuôi dưỡng con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Cả chị T, anh G hiện nay đều có chỗ ở, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung.

Đối với cháu Vượng đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị T. Hơn nữa, cháu T đã chung sống cùng với chị T từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy để đảm bảo cho cháu Vượng có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về mặt tâm sinh lý, phát triển tốt về mọi mặt nên cần giao cháu Vượng cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này.

Chị T, anh G có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Văn Vượng, sinh ngày 16/7/2003.

Sau khi ly hôn anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này.

Chị T, anh G có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002590 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc G. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- UBND xã ĐM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang